

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo Tình hình tài chính giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026.

THÔNG TIN

Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (tiền thân là Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1203000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 09/03/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 23 ngày 07/07/2026 về thay đổi người đại diện theo pháp luật; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đổi thành mã số doanh nghiệp số 5300226455 tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 25/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300226455 thay đổi lần thứ 23 ngày 07/07/2026 là 207.460.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu SP2.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Hồng (*)	Chủ tịch
Ông Phạm Sỹ Long (*)	Thành viên
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên
Ông Trần Đức Thành (*)	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Công Huân (*)	Trưởng ban
Ông Ngô Quang Tiến	Thành viên
Bà Hà Thị Hải Yến (*)	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc (<i>Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2026</i>)
Ông Phạm Sỹ Long	Tổng Giám đốc (<i>Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2026</i>)
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc (<i>Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2026</i>)
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc (<i>Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2026</i>)
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (<i>Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2026</i>)
Ông Phạm Tuấn Huy	Phó Tổng Giám đốc (<i>Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2026</i>)

(*): Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nêu trên đã có đơn từ nhiệm vào ngày 28/7/2026.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Dũng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Số: 43/2026/BCSX – CPAMB1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 được lập ngày 13/08/2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Báo cáo Tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 – Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ: Tại thời điểm 30/06/2026, nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 158.362.366.639 VND (tại ngày 01/01/2026 là 189.733.666.361 VND). Công ty đang chịu khoản lỗ lũy kế là tại ngày 30/06/2026 là 10.992.349.096 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 27.480.915.501 đồng). Những điều kiện này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2026



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.263.457.725	102.921.667.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	63.385.913.914	45.686.739.203
1. Tiền	111		49.378.434.462	23.178.618.655
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.007.479.452	22.508.120.548
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.4	14.808.975.000	30.525.302.083
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		14.808.975.000	30.525.302.083
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.569.572.535	26.268.362.879
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	52.629.287.944	21.369.055.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	80.267.126	101.405.502
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	860.017.465	4.797.902.083
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	132.153.200	308.061.664
1. Hàng tồn kho	141		132.153.200	308.061.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		366.843.076	133.201.255
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	366.843.076	133.201.255
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		426.237.145.687	454.071.253.208
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		411.476.324.494	438.575.736.017
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	411.476.324.494	438.575.736.017
- Nguyên giá	222		1.159.888.119.400	1.159.781.964.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(748.411.794.906)	(721.206.228.890)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.4	1.250.000.000	1.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		13.510.821.193	14.245.517.191
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	13.510.821.193	14.245.517.191
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		558.500.603.412	556.992.920.292

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		363.996.502.234	378.977.385.519
I. Nợ ngắn hạn	310		290.625.824.364	292.655.333.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	2.695.818.042	2.257.038.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.10	9.181.981.304	4.611.324.474
5. Phải trả người lao động	315		-	1.838.786.412
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.11	206.388.837.841	212.534.153.206
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	5.12	1.902.748.414	1.902.748.414
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.13	7.824.166.257	6.379.009.673
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.14	62.632.272.506	63.132.272.506
II. Nợ dài hạn	330		73.370.677.870	86.322.052.074
1. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	5.12	8.562.367.870	9.513.742.074
2. Phải trả dài hạn khác	338	5.13	1.250.000.000	1.250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.14	63.558.310.000	75.558.310.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	194.504.101.178	178.015.534.773
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		207.460.000.000	207.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		207.460.000.000	207.460.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(450.529.676)	(450.529.676)
3. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.992.349.096)	(27.480.915.501)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.480.915.501)	(86.851.854.604)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.488.566.405	59.370.939.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		558.500.603.412	556.992.920.292

Lào Cai, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thọ Hoàng



Nguyễn Thọ Hoàng



Lê Đức Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	69.524.998.762	66.234.636.993
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.524.998.762	66.234.636.993
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	6.2	44.212.477.521	43.123.578.203
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.312.521.241	23.111.058.790
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	2.145.936.367	507.396.336
8. Chi phí tài chính	23	6.4	6.174.940.136	8.508.969.562
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		6.174.940.136	8.508.969.562
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.285.277.374	2.493.311.468
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.998.240.098	12.616.174.096
12. Thu nhập khác	31	6.6	126.562.870	-
13. Chi phí khác	32	6.6	288.190.659	7.416.750
14. Lợi nhuận khác	40		(161.627.789)	(7.416.750)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.836.612.309	12.608.757.346
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.348.045.904	714.144.537
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.488.566.405	11.894.612.809
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	800	573

Người lập biểu



Nguyễn Thọ Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thọ Hoàng

Lào Cai, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Giám đốc



Lê Đức Dũng

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, tỉnh Lào Cai

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.836.612.309	12.608.757.346
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	27.284.705.781	27.349.835.804
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(2.138.633.798)	(507.396.336)
- Chi phí lãi vay	06	6.174.940.136	8.508.969.562
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	49.157.624.428	47.960.166.376
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.301.209.656)	(26.220.975.622)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	175.908.464	47.869.500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.873.047.090)	(4.503.950.530)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	501.054.177	3.116.350.096
- Chi phí đi vay đã trả	14	(6.174.940.136)	(13.274.999.998)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.955.882.099)	(1.130.826.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.529.508.088	5.993.633.418
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(186.154.493)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.300.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	58.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	155.821.116	436.915.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.669.666.623	(14.563.084.824)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.500.000.000)	(34.725.775.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.500.000.000)	(34.725.775.998)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	17.699.174.711	(43.295.227.404)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	45.686.739.203	80.421.849.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	63.385.913.914	37.126.622.583

Người lập biểu


Nguyễn Thọ Hoàng

Kế toán trưởng


Nguyễn Thọ Hoàng

Lào Cai, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Giám đốc

Lê Đức Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (tiền thân là Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1203000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 09/03/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 23 ngày 07/07/2026 về thay đổi người đại diện theo pháp luật; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đổi thành mã số doanh nghiệp số 5300226455 tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 25/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300226455 thay đổi lần thứ 23 ngày 07/07/2026 là 207.460.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu SP2.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, tỉnh Lào Cai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 35 người; cán bộ quản lý là 04 người (Tại ngày 31/12/2025, tổng số cán bộ nhân viên là 35 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán điện thương phẩm.

Hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện (*Chi tiết: Phân phối điện*);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (*Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí*);...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm 30/06/2026, nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 158.362.366.639 VND (tại ngày 01/01/2026 là 189.733.666.361 VND). Công ty đang chịu khoản lỗ lũy kế là tại ngày 30/06/2026 là 10.992.349.096 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 27.480.915.501 đồng). Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, Công ty hoàn toàn có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ; phải thu về thanh lý, nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán mà không phải đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp). Khoản phải thu này bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia bằng tiền, các khoản đã chi hộ bên thứ ba, các khoản bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu chi hộ cho bên giao ủy thác, các khoản cho mượn tài sản phi tiền tệ, tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá xuất của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 18 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 18 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng đến 84 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí chờ phân bổ (Tiếp theo)*****Các chi phí chờ phân bổ khác***

Chi phí chờ phân bổ khác bao gồm chi phí bảo hiểm, phí kiểm định thiết bị, chi phí thi công sửa chữa tài sản cố định; chi phí lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường và chi phí phần mềm, tên miền và chữ ký số. Chi phí thi công sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng; chi phí phần mềm, tên miền và chữ ký số được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ từ 12 đến 54 tháng; chi phí lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường được phân bổ trong thời gian 120 tháng và các chi phí còn lại được phân bổ với thời gian từ 24 đến 60 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả cuối kỳ là các khoản lãi vay, chi phí quyết toán dự án thủy điện và các khoản chi phí khác phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Cổ phiếu mua lại của chính mình là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại theo giá thực tế mua, bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ sau khi trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu mua lại được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện thương phẩm, doanh thu dịch vụ đào tạo và cho thuê đường dây.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Theo quy định tại khoản 1, điều 19, 20 Nghị định số 320/2025/NĐ – CP ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- + Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối thu nhập của các doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực nhà máy điện;
- + Thời gian miễn thuế là 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới;

Năm 2012, Công ty có doanh thu của dự án nhưng chưa phát sinh thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi. Trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026, Công ty đang được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới và năm 2026 là năm thứ 08 được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bán điện thương phẩm và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.051.158.391	105.157.031
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.327.276.071	23.073.461.624
Các khoản tương đương tiền (*)	14.007.479.452	22.508.120.548
Tổng	63.385.913.914	45.686.739.203

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (Lãi suất 2,1%/năm)	14.007.479.452	20.006.764.384
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng - CN Hà Nội (Lãi suất 3,3%/năm)	-	2.501.356.164
Tổng	14.007.479.452	22.508.120.548

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Mua bán điện (*)	52.629.287.944	-	21.369.055.294	-
Tổng	52.629.287.944	-	21.369.055.294	-

(*): Quyền đòi nợ từ doanh thu bán điện của Dự án thủy điện Sử Pán 2 là tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.14).

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH MTV Kiến trúc An	51.000.000	-	51.000.000	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư Á Châu	25.000.000	-	25.000.000	-
Tổng công ty cổ phần công trình Viettel	-	-	20.447.082	-
Các nhà cung cấp khác	4.267.126	-	4.958.420	-
Tổng	80.267.126	-	101.405.502	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.4 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn						
<i>Cho vay</i>						
Công ty CP Đầu tư năng lượng ITASCO (i)	671.875.000	671.875.000	-	15.590.625.000	15.590.625.000	-
Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomín (ii)	14.137.100.000	14.137.100.000	-	14.934.677.083	14.934.677.083	-
Tổng	14.808.975.000	14.808.975.000	-	30.525.302.083	30.525.302.083	-

(i): Khoản cho vay của Công ty CP Đầu tư năng lượng ITASCO theo hợp đồng số 26.6/2025/HĐVV/SP2-ITASCO ngày 26/06/2025 với số tiền vay 15.000.000.000 đồng; thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 26/06/2025. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Đầu tư năng lượng ITASCO. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo là phần vốn góp có giá trị tương đương 30.000.000.000 đồng tại Công ty TNHH Năng Lượng An Việt Lai Châu do Công ty CP Đầu tư Năng lượng ITASCO sở hữu. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Gốc của khoản cho vay này đã được Công ty thu hồi vào ngày 27/01/2026.

(ii): Khoản cho vay của Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và dịch vụ - Vinacomín theo hợp đồng số 17.11/2025/HĐVV/SP2-VINACOMIN ngày 17/11/2025 với số tiền vay 34.830.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 17/12/2025. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và dịch vụ - Vinacomín. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Gốc của khoản cho vay này đã được Công ty thu hồi vào ngày 01/07/2026.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (i)	40%	40%	4.000.000.000	(2.750.000.000)	4.000.000.000	(2.750.000.000)
Tổng			4.000.000.000	(2.750.000.000)	4.000.000.000	(2.750.000.000)

(i) Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên đã có thông báo tạm dừng hoạt động nhưng chưa hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế doanh nghiệp nên Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nêu trên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.5 Các khoản phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Trình bày lại Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	860.017.465	-	4.797.902.083	-
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu tạm ứng (*)	293.845.417	-	4.583.460.502	-
- Phải thu khác	566.172.048	-	214.441.581	-
+ Phải thu Công ty CP công nghiệp Việt Long- Thu tiền chi hộ quản lý vận hành đường dây	204.209.997	-	28.344.765	-
+ Phải thu CN Công ty CP Xây dựng và thương mại 299 tại Lào Cai - Thu tiền chi hộ quản lý vận hành đường dây	361.962.051	-	186.096.816	-
Tổng	860.017.465	-	4.797.902.083	-

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	132.153.200	-	78.616.500	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	229.445.164	-
Tổng	132.153.200	-	308.061.664	-

5.7 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Ngắn hạn	366.843.076	133.201.255
- Chi phí bảo hiểm	325.593.076	132.322.467
- Công cụ dụng cụ phân bổ	2.750.000	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	38.500.000	878.788
Dài hạn	13.510.821.193	14.245.517.191
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.361.781.718	7.668.308.723
- Công cụ dụng cụ phân bổ	5.027.338.421	5.618.040.374
- Chi phí kiểm định	477.971.993	276.331.847
- Chi phí lập hồ sơ cấp GP môi trường; gia hạn giấy phép khai thác mặt nước	578.858.027	611.959.879
- Chi phí chờ phân bổ khác	64.871.034	70.876.368
Tổng	13.877.664.269	14.378.718.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)						
5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình						
NGUYÊN GIÁ						
Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	569.320.320.029	477.403.685.712	112.502.780.166	555.179.000	-	1.159.781.964.907
	-	-	-	105.750.263	-	105.750.263
	80.404.230	-	-	-	-	80.404.230
	-	-	-	(80.000.000)	-	(80.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	569.400.724.259	477.403.685.712	112.502.780.166	580.929.263	-	1.159.888.119.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2026	319.817.241.981	325.649.192.050	75.188.615.878	551.178.981	-	721.206.228.890
Khấu hao trong kỳ	11.436.182.212	12.662.593.824	3.176.365.350	9.564.395	-	27.284.705.781
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(79.139.765)	-	(79.139.765)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	331.253.424.193	338.311.785.874	78.364.981.228	481.603.611	-	748.411.794.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2026	249.503.078.048	151.754.493.662	37.314.164.288	4.000.019	-	438.575.736.017
Tại ngày 30/06/2026	238.147.300.066	139.091.899.838	34.137.798.938	99.325.652	-	411.476.324.494

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 2.267.579.329 VND (tại ngày 01/01/2026 là 2.267.579.329 VND).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay tại ngày 30/06/2026 là 408.558.619.113 VND (tại ngày 01/01/2026 là 435.438.079.185 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Danh mục các TSCĐ hữu hình hiện đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

30/06/2026 (VND)

01/01/2026 (VND)

	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Tên tài sản						
Nhà cửa vật kiến trúc						
Nhà máy vận hành phát thủy điện	566.494.696.650	329.437.124.159	237.057.572.491	566.494.696.650	318.148.668.329	248.346.028.321
Máy móc thiết bị						
Các thiết bị lắp đặt 02 tổ máy tua bin phát điện	173.696.007.293	123.034.671.833	50.661.335.460	173.696.007.293	115.797.338.195	57.898.669.098
Thiết bị cơ khí thủy công	98.329.782.709	69.650.262.752	28.679.519.957	98.329.782.709	65.553.188.473	32.776.594.236
Hệ thống thiết bị cơ điện	203.932.822.568	144.262.886.071	59.669.936.497	203.932.822.568	135.955.215.046	67.977.607.522

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH XNK Hoa Thắng	228.842.125	228.842.125
Công ty TNHH Tư vấn tài chính C& P	392.200.000	392.200.000
Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomín	1.089.834.869	619.934.361
Chi nhánh Sông Đà 8.02	488.323.471	488.323.471
Công ty TNHH MTV KSXD Điện 1	236.332.814	236.332.814
Công ty Điện lực Lào Cai	21.098.988	33.471.414
Các nhà cung cấp khác	239.185.775	257.934.575
Tổng	2.695.818.042	2.257.038.760

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn tài chính C& P	392.200.000	392.200.000
Chi nhánh Sông Đà 8.02	488.323.471	488.323.471
Công ty TNHH XNK Hoa Thắng	228.842.125	228.842.125
Công ty TNHH MTV KSXD Điện 1	236.332.814	236.332.814
Các nhà cung cấp khác	239.185.775	239.185.775
Tổng	1.584.884.185	1.584.884.185

5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026
Phải nộp	4.611.324.474	14.205.610.647	9.634.953.817	9.181.981.304
Ngắn hạn	4.611.324.474	14.205.610.647	9.634.953.817	9.181.981.304
Thuế giá trị gia tăng	928.667.874	3.428.833.179	2.565.328.485	1.792.172.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.955.882.099	1.348.045.904	1.955.882.099	1.348.045.904
Thuế thu nhập cá nhân	10.432.125	135.525.586	24.850.272	121.107.439
Thuế tài nguyên	600.650.608	6.223.867.158	2.423.093.297	4.401.424.469
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	1.115.691.768	3.069.338.820	2.665.799.664	1.519.230.924

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	206.388.837.841	212.534.153.206
Chi phí phải trả công trình thủy điện theo quyết toán	3.830.092.863	3.830.092.863
Chi phí lãi vay phải trả (*)	202.454.540.143	208.606.153.162
Chi phí phải trả khác	104.204.835	97.907.181
Tổng	206.388.837.841	212.534.153.206

(*): Theo văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03/2012 ngày 28/12/2012; bên cho vay và Công ty thống nhất điều chỉnh ngày thanh toán lãi như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**5.11 Chi phí phải trả (Tiếp theo)**

Công ty sẽ thanh toán lãi chưa thanh toán cộng dồn: (i) Vào ngày thanh toán lãi của kỳ hạn tính lãi tiếp theo và hạn cuối vào ngày 27/09/2025; (ii) Vào ngày thanh toán trước (trên khoản tiền được thanh toán trước); (iii) Vào ngày đến hạn (kể cả việc rút ngắn thời hạn khoản vay theo cách khác và; (iv) Ngay khi có yêu cầu (sau ngày đến hạn).

Theo văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 01.01/2025/1107042/HĐTD ngày 30/07/2025, khoản vay của Công ty có thời hạn vay là 264 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng), thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/09/2029. Việc thanh toán lãi được thực hiện như sau: việc thanh toán lãi chưa thanh toán cộng dồn đến hết ngày 30/06/2025 được trả vào ngày thanh toán lãi của kỳ hạn tính lãi tiếp theo (ngày 27 của tháng cuối cùng của kỳ hạn tính lãi (3 tháng một lần) và hạn cuối vào ngày 27/09/2029 hoặc vào ngày đến hạn; đối với các khoản lãi phát sinh từ ngày 01/07/2025 sẽ được thanh toán 3 tháng một lần vào ngày thanh toán lãi (ngày 27 của tháng cuối cùng của kỳ hạn tính lãi (3 tháng một lần) hoặc vào ngày đến hạn.

Các khoản lãi vay cộng dồn giữa ngân hàng và Công ty không có thỏa thuận cụ thể về lịch trình trả lãi, chi đảm bảo hạn cuối thanh toán vào ngày 27/09/2029. Hiện tại Công ty đã thỏa thuận với ngân hàng về việc kiểm soát các dòng tiền thu vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo lịch trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng các văn bản thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

5.12 Doanh thu chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	1.902.748.414	1.902.748.414
Doanh thu cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Dài hạn	8.562.367.870	9.513.742.074
Doanh thu cho thuê đường dây	8.562.367.870	9.513.742.074
Tổng	10.465.116.284	11.416.490.488

5.13 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	7.824.166.257	6.379.009.673
Kinh phí công đoàn	88.197.737	287.697.737
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả khác	7.735.968.520	6.091.311.936
+ Phải trả Tổng Công ty bảo hiểm BIDV (*)	5.500.000.000	5.500.000.000
+ Thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	2.203.599.271	577.362.570
+ Phải trả khác	32.369.249	13.949.366
Dài hạn	1.250.000.000	1.250.000.000
Vốn ủy thác của cán bộ CNV để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Tổng	9.074.166.257	7.629.009.673

(*): Đây là khoản tạm ứng bồi thường thiệt hại của Tổng công ty bảo hiểm BIDV theo công văn số 2175/CV-GĐBT1 ngày 26/07/2011 để khắc phục tổn thất, giảm thiểu thiệt hại xảy ra ngày 25/12/2010 giữa Công ty Thủy điện Sapa và Công ty trong khi chờ các cơ quan chức năng xác định chính thức nguyên nhân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.14	Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
	Ngắn hạn	62.632.272.506		12.500.000.000	63.132.272.506
	Vay	22.632.272.506	-	500.000.000	23.132.272.506
	Tổng Công ty Sông Đà (i)	22.632.272.506	-	500.000.000	23.132.272.506
	+ <i>Gốc vay</i>	4.591.787.103	-	500.000.000	5.091.787.103
	+ <i>Lãi vay nhập gốc</i>	18.040.485.403	-	-	18.040.485.403
	Vay dài hạn đến hạn trả	40.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	40.000.000.000
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (ii)	19.584.623.368	5.883.829.797	5.887.659.593	19.588.453.164
	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội (ii)	20.415.376.632	6.116.170.203	6.112.340.407	20.411.546.836
	Dài hạn	63.558.310.000	-	12.000.000.000	75.558.310.000
	Vay	63.558.310.000	-	12.000.000.000	75.558.310.000
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (ii)	31.182.044.656	-	5.883.829.797	37.065.874.453
	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội (ii)	32.376.265.344	-	6.116.170.203	38.492.435.547
	Tổng	126.190.582.506	12.000.000.000	24.500.000.000	138.690.582.506

Khoản vay với Tổng Công ty Sông Đà theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06/2011/HĐTD/TĐSD-SDHL ngày 16/09/2011 với số dư gốc vay là 15 tỷ đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi trả chậm phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến thời điểm 01/01/2019 là 18.040.485.403 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/05/2013. Tổng hạn mức vay tối đa là 813.817.430.279 đồng; thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng), ngày đến hạn là ngày 27/09/2025. Lãi suất vay hiện tại là 10,1%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 cùng Quyền sử dụng đất tại Dự án Thủy điện Sử Pán 2 của Công ty (Thuyết minh số 5.8) và quyền đòi nợ giá trị từ doanh thu bán điện Dự án thủy điện Sử Pán 2 (Thuyết minh số 5.2).
- (ii) Theo văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 01.01/2025/1107042/HĐTD ngày 30/07/2025; Tổng hạn mức vay tối đa là 813.817.430.279 đồng; thời hạn vay là 264 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng), thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/09/2029. Lãi suất vay hiện tại là 10,10%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 cùng Quyền sử dụng đất tại Dự án Thủy điện Sử Pán 2 của Công ty (Thuyết minh số 5.8) và quyền đòi nợ giá trị từ doanh thu bán điện Dự án thủy điện Sử Pán 2 (Thuyết minh số 5.2).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

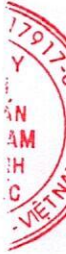
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(86.851.854.604)	118.644.595.670
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	59.370.939.103	59.370.939.103
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(27.480.915.501)	178.015.534.773
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	16.488.566.405	16.488.566.405
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(10.992.349.096)	194.504.101.178



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Năng lượng REE	80.682.500.000	72.168.000.000
Công ty CP Năng lượng An Xuân	-	52.044.300.000
Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Việt Nam	-	33.885.500.000
Ông Mai Đình Nhật	-	8.514.500.000
Ông Trịnh Đức Vinh	47.715.800.000	-
Bà Trịnh Thu Hạnh	31.084.940.000	-
Ông Bùi Tuấn Huy	16.846.500.000	-
Các cổ đông khác	31.130.260.000	40.847.700.000
Tổng	207.460.000.000	207.460.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	207.460.000.000	207.460.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	207.460.000.000	207.460.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.746.000	20.746.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.746.000	20.746.000
Cổ phiếu phổ thông	20.746.000	20.746.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	123.000	123.000
Cổ phiếu phổ thông	123.000	123.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.623.000	20.623.000
Cổ phiếu phổ thông	20.623.000	20.623.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

5.16 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	825.000.000
Dự án Nậm Cùn	14.654.688.095	14.654.688.095
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	875.036.951
Công ty CP xây dựng Đại Phúc	331.284.942	331.284.942
Công ty CP Thương mại và xây lắp 368	47.464.154	47.464.154
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	311.500.000
Công ty TNHH Luật TNHH VFI	270.500.000	270.500.000
Văn phòng luật sư (kiện SD 7)	50.000.000	50.000.000
Công ty Luật TNHH Vinabiz	15.000.000	15.000.000
Ông Trương Quang Thịnh	298.964.000	298.964.000
Tổng	17.679.438.142	17.679.438.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

5.16 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2026:

a. Tài sản cố định

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	566.494.696.650	237.057.572.491	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối và Đại lý nhận tài sản đảm bảo) và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng tham gia đồng tài trợ)	Khoản vay dài hạn	27/09/2029
2.	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định hữu hình	475.958.612.570	139.010.791.914	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối và Đại lý nhận tài sản đảm bảo) và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng tham gia đồng tài trợ)	Khoản vay dài hạn	27/09/2029
3.	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình	109.218.491.984	32.490.254.708	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối và Đại lý nhận tài sản đảm bảo) và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng tham gia đồng tài trợ)	Khoản vay dài hạn	27/09/2029

b. Tài sản khác

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1.	Khoản phải thu với Công ty Mua bán điện	Phải thu khách hàng	52.629.287.944	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối và Đại lý nhận tài sản đảm bảo) và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Ngân hàng tham gia đồng tài trợ)	Khoản vay dài hạn	27/09/2029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	67.949.624.558	65.283.262.789
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	951.374.204	951.374.204
Doanh thu dịch vụ đào tạo	624.000.000	-
Tổng	69.524.998.762	66.234.636.993

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	43.612.786.047	42.691.506.881
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	370.246.310	432.071.322
Giá vốn dịch vụ đào tạo	229.445.164	-
Tổng	44.212.477.521	43.123.578.203

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	2.145.936.367	507.396.336
Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng	2.145.936.367	507.396.336

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay	6.174.940.136	8.508.969.562
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng	6.174.940.136	8.508.969.562

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.092.244.204	1.320.931.898
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.692.444	12.863.052
Chi phí khấu hao TSCĐ	224.521.414	230.705.832
Thuế, phí và lệ phí	9.836.121	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.974.258	679.558.571
Chi phí khác bằng tiền	502.008.933	246.252.115
Tổng	3.285.277.374	2.493.311.468

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác	126.562.870	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	-
- Thu từ khoản bồi thường hợp đồng	-	-
- Các khoản khác	126.562.870	-
Chi phí khác	288.190.659	7.416.750
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	860.235	-
- Tiền phạt và truy thu thuế	-	7.416.750
- Các khoản khác	287.330.424	-
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuận)	(161.627.789)	(7.416.750)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	458.353.744	112.518.552
Chi phí nhân công	5.040.880.113	3.903.579.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.284.705.781	27.349.835.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.479.970.432	5.072.028.741
Chi phí khác bằng tiền	10.233.844.825	9.178.927.210
Tổng	47.497.754.895	45.616.889.671

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.836.612.309	12.608.757.346
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành		
<i>Điều chỉnh</i>	469.563.159	176.789.250
Các khoản chi phí không được trừ	469.563.159	176.789.250
Thu nhập không chịu thuế (do đã tính vào năm trước)	-	-
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	18.306.175.468	12.785.546.596
Thu nhập tính thuế TNDN	18.306.175.468	12.785.546.596
Thu nhập chịu thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi	15.421.261.264	12.286.431.882
Thu nhập chịu thuế của hoạt động không hưởng ưu đãi	2.884.914.204	499.114.714
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất ưu đãi (hoạt động bán điện thương phẩm)	10%*50%	10%*50%
Thuế suất hoạt động kinh doanh thông thường	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.348.045.904	714.144.537
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.348.045.904	714.144.537

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.488.566.405	11.894.612.809
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.488.566.405	11.894.612.809
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	20.623.000	20.623.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	800	573

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Ông Mai Đình Nhật	Cổ đông lớn/Thành viên HĐQT
Ông Trịnh Đức Vinh	Cổ đông lớn
Bà Trịnh Thu Hạnh	Cổ đông lớn
Ông Bùi Tuấn Huy	Cổ đông lớn
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân có mối quan hệ mật thiết trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

*Trong kỳ, Công ty có số dư và giao dịch chủ yếu với Bên liên quan như sau:***a. Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

		Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Tiền lương và phụ cấp		1.299.740.000	776.160.000
Tổng		1.299.740.000	776.160.000
Thù lao Hội đồng quản trị			
Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch HĐQT	250.080.000	282.080.000
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	54.000.000	24.000.000
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên	54.000.000	24.000.000
Ông Phạm Sỹ Long	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 01/07/2026)	-	8.000.000
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025)	-	16.000.000
Ông Trần Đức Thành	Thành viên	54.000.000	24.000.000
Tổng		412.080.000	378.080.000
Tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác			
Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 30/06/2025 VND
Ông Phạm Sỹ Long	Tổng Giám đốc	239.080.000	-
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	152.000.000	156.000.000
Ông Bùi Quê Lâm	Phó Tổng Giám đốc	211.580.000	182.080.000
Ông Nguyễn Thọ Hoàng	Kế toán trưởng	175.000.000	-
Tổng		777.660.000	338.080.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

Tiền lương của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
		VND	VND
Ông Ngô Quang Tiến	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025)	-	24.000.000
Ông Hoàng Công Huân	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025)	44.000.000	6.000.000
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025)	33.000.000	12.000.000
Bà Hà Thị Hải Yên	Thành viên	33.000.000	18.000.000
Tổng		110.000.000	60.000.000

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
Tạm ứng				
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	1.169.000
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	-	1.169.000

c. Số dư với các bên liên quan

Công ty không phát sinh số dư với các bên liên quan tại thời điểm 01/01/2026 và 30/06/2026.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty như sau:

Khoản mục	Mã số	Số dư tại 31/12/2025 (Đã trình bày)	Số dư tại 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
		VND		
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	45.678.618.655	45.686.739.203	8.120.548
Các khoản tương đương tiền	112	22.500.000.000	22.508.120.548	8.120.548
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	30.525.302.083	30.525.302.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	30.525.302.083	30.525.302.083
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	35.331.324.714	4.797.902.083	(30.533.422.631)
Phải thu về cho vay		29.830.000.000	-	(29.830.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.501.324.714	4.797.902.083	(703.422.631)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.3 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Lào Cai, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thọ Hoàng



Nguyễn Thọ Hoàng



Lê Đức Dũng